TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 66/2024/HNGĐ-ST
Ngày 06 - 6 - 2024
V/v Tranh chấp xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Chế Linh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đinh Thanh Phú

Ông Nguyễn Khánh Vinh

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Vũ Đương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

Ngày 06 tháng 6 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 65/2024/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2024 về tranh chấp xin ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 22/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị Yến T, sinh năm 1986; cư trú tại: Khu V, phường T, quận T, thành phố Cần Thơ.

- *Bị đơn:* Ông Lương Văn T1, sinh năm 1984; cư trú tại: Khu V, phường T, quận T, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trần Thị Yến T trình bày:

Bà và ông Lương Văn T1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện có tìm hiểu, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường T, quận T, thành phố Cần Thơ cấp Giấy Chứng nhận kết hôn số 1010, quyển số 05/2004 vào ngày 20/12/2004. Sau khi kết hôn, thời gian đầu cuộc sống vợ chồng khá hạnh phúc. Tuy nhiên, càng về sau thì cuộc sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Vì hoàn cảnh khó khăn, bà đi xuất khẩu lao động ở Đài Loan (Trung Quốc). Do không có sự gần gũi nên càng về sau thì hai vợ chồng càng mâu thuẫn hơn. Nguyên nhân chủ yếu là do tính cách của cả không hợp, không thể tìm được tiếng nói chung dẫn đến tình trạng mâu thuẫn xảy ra thường xuyên, ảnh hưởng đến cuộc sống, công việc của cả hai bên, bà và ông T1 sống ly thân một thời gian dài. Mặc dù bà đã tìm cách giải quyết nhưng không có kết quả. Nay bà nhận thấy mâu thuẫn đã rất trầm trọng, tình cảm

vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T1 để sớm ổn định cuộc sống của bản thân.

Về con chung: Có 02 con chung là cháu Lương Thị Mộng V, sinh ngày 13/01/2005 và cháu Lương Minh T2, sinh ngày 23/08/2012. Hiện nay, cháu Lương Thị Mộng V đã trưởng thành, khoẻ mạnh nên không yêu cầu Toà án giải quyết. Cháu Lương Minh T2 hiện đang ở với bố Lương Văn T1, bà đồng ý giao cháu Lương Minh T2 cho ông T1 trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành. Về cấp dưỡng nuôi con: Các bên tự thoả thuận nên đề nghị Tòa án không xem xét giải quyết trong vụ án này. Về tài sản chung, nợ chung: Các bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do bà đang sinh sống và làm việc ở Đài Loan, khoảng cách xa xôi và điều kiện đi lại khó khăn nên bà yêu cầu Toà án giải quyết vắng mặt.

Quá trình giải quyết, bị đơn ông Lương Văn T1 trình bày:

Ông thống nhất với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc đồng ý ly hôn. Đồng thời thống nhất cả hai vợ chồng có 02 con chung là cháu Lương Thị Mộng V, sinh ngày 13/01/2005 và cháu Lương Minh T2, sinh ngày 23/08/2012. Hiện nay, cháu Lương Thị Mộng V đã trưởng thành, khoẻ mạnh nên không yêu cầu Toà án giải quyết. Cháu Lương Minh T2 hiện đang ở với ông và ông đồng ý trực tiếp nuôi dưỡng cháu V cho đến khi trưởng thành, không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đồng thời, ông có đơn xin Tòa án giải quyết vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Trần Thị yến T3 có đơn khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với ông Lương Văn T1. Xét thấy, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, do vụ kiện có đương sự ở nước ngoài nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ theo quy định tại Điều 28, Điều 37 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn và bị đơn kết hôn trên cơ sở tự nguyện và tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật quy định về vấn đề đăng ký kết hôn nên là hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên, sau khi kết hôn, vợ chồng chỉ chung sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Nguyên đơn hiện đang sinh sống và làm việc ở Đài Loan trong khi đó bị đơn ở Việt Nam, cả hai không còn liên lạc với nhau và đã ly thân trong một thời gian dài. Các bên đều thống nhất đồng ý ly hôn và không có thiện chí tiếp tục duy trì hôn nhân này. Từ đó cho thấy, hôn nhân của ông, bà chỉ còn tồn tại về mặt pháp lý, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn là có căn cứ để chấp nhận.

[4] Về con chung: Có 02 con chung là cháu Lương Thị Mộng V, sinh ngày 13/01/2005 và cháu Lương Minh T2, sinh ngày 23/08/2012. Hiện nay, cháu Lương Thị Mộng V đã trưởng thành, khoẻ mạnh nên các bên không yêu cầu Toà án giải quyết. Cháu Lương Minh T2 hiện đang ở với ông Lương Văn T1, bà T3 đồng ý giao cháu Lương Minh T2 cho ông T1 trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành, ông T1 cũng đồng ý nuôi cháu T2 và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Các bên không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Về nghĩa vụ chịu án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 37, Điều 228, khoản 1 Điều 273 và khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 121, khoản 2 Điều 123 và khoản 1 Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Yến T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho bà Trần Thị Yến T được ly hôn với ông Lương Văn T1.

2. Về con chung: Giao cháu Lương Minh T2, sinh ngày 23/08/2012 cho ông Lương Văn T1 trực tiếp nuôi dưỡng. Bà T không phải cấp dưỡng chi phí nuôi con. Bà Trần Thị Yến T có quyền thăm nom, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở. Vì lợi ích của con chung, các bên có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp các mối quan hệ này thì các đương sự có quyền khởi kiện thành vụ án khác theo quy định chung.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Trần Thị Yến T phải chịu án phí là 300.000 đồng. Chuyển số tiền 300.000 đồng bà T đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0000316 ngày 05/4/2024 do Cục thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ đã thu sang thành án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm theo luật định.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND TPCT;
- Cục THADS TPCT;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Chế Linh